**Biểu mẫu 01**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

**TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 11**

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2018 - 2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Nhà trẻ** | **Mẫu giáo** |
| **I** | **Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được** | 1. **PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**  * Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. * Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. * Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. * Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). * Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. * Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.  1. **PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**  * Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. * Có sự nhạy cảm của các giác quan. * Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. * Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.  1. **PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**  * Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. * Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. * Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. * Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. * Hồn nhiên trong giao tiếp.  1. **PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ**  * Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những ngư­ời gần gũi. * Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. * Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. * Tích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyên… | 1. **PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**  * Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. * Có một số tố chất vận động : nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. * Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. * Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. * Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. * Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ. * Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.  1. **PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**  * Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. * Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. * Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. * Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. * Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.  1. **PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**  * Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. * Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…). * Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày. * Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. * Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao đồng giao phù hợp với độ tuổi. * Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.  1. **PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI**  * Có ý thức về bản thân. * Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. * Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. * Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. * Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.   **V. PHÁT TRIỂN THẨM MĨ**   * Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. * Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. * Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật. |
| **II** | **Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện** | **CHƯƠNG TRÌNH**  **Giáo dục mầm non**  *(Ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)* | **CHƯƠNG TRÌNH**  **Giáo dục mầm non**  *(Ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)* |
| **III** | **Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển** | 1. **GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**   ***a) Phát triển vận động***  1. Thực hiện được động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.  2. Thực hiện được vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.  3. Thực hiện được vận động cử động của bàn tay, ngón tay.   1. ***Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.***   1.Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.  2.Thực hiện được một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.  3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.  **II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**  1. Biết khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan.  2. Biết thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói.  **III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**  1. Nghe hiểu lời nói.  2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu.  3. Biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp  4. Thể hiện được cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh.  **IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ**  1. Biểu lộ được sự nhận thức về bản thân.  2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con ng­ười và sự vật gần gũi.  3. Thực hiện được các hành vi xã hội đơn giản.  4. Thể hiện được cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh. | 1. **GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**   ***a) Phát triển vận động***  1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.  2. Thể hiện được kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động.  3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt.   1. ***Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.***   1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thư­ờng và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.  2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.  3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ.  4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh .  **II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**  ***a) Khám phá khoa học***  1. Biết xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng  2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.  3. Thể hiện được hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.   1. ***Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.***   1. Nhận biết được số đếm, số lượng.  2. Sắp xếp theo qui tắc  3. So sánh được hai đối tượng.  4. Nhận biết được các hình dạng.  5. Nhận biết được vị trí trong không gian và định hướng thời gian.  ***c) Khám phá xã hội.***  1. Nhận biết được bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.  3. Nhận biết được một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.  2. Nhận biết được một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.  **III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**  1.Nghe hiểu lời nói.  2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.  3. Làm quen với việc đọc – viết.  1. Thể hiện được ý thức về bản thân.  2. Thể hiện sự tự tin, tự lực.  3. Nhận biết và thể hiện được cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh  4. Thực hành được các vi và quy tắc ứng xử xã hội.  5. Biết quan tâm đến môi trường.  **IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI**  1. Thể hiện được ý thức về bản thân.  2. Thể hiện sự tự tin, tự lực.  3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.  4. Thực hiện được các hành vi và quy tắc ứng xử xã hội  5. Biết quan tâm đến môi trường.  **V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ**  1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).  3. Thể hiện được sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).  2. Thực hiện được một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (hát, vận động theo nhạc)và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình). |
| **IV** | **Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non** | * Tổ chức khám sức khỏe cho trẻ 1 năm 1 lần. * Tẩy giun 2 lần 1 năm. * Đổi mới bữa ăn * Phòng chống dịch bệnh * Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm | * Tổ chức khám sức khỏe cho trẻ 1 năm 1 lần. * Tẩy giun 2 lần 1 năm. * Phổ cấp giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi * Phòng chống dịch bệnh * Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Quận 10, ngày 05 tháng 9 năm 2018 **HIỆU TRƯỞNG** |

**Nguyễn Thị Thoa**

**Biểu mẫu 02**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

**TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 11**

**THÔNG BÁO**

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2018 - 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ | | | Mẫu giáo | | |
| 3-12 tháng tuổi | 13-24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi |
| **I** | **Tổng số trẻ em** | 55 | 0 | 1 | 10 | 14 | 14 | 14 |
| 1 | Số trẻ em nhóm ghép | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Số trẻ em học 1 buổi/ngày | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Số trẻ em học 2 buổi/ngày | 0 | 0 | 0 | 10 | 14 | 14 | 14 |
| 4 | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **II** | **Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú** | 0 | 0 | 0 | 10 | 14 | 14 | 14 |
| **III** | **Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe** | 0 | 0 | 0 | 10 | 14 | 14 | 14 |
| **IV** | **Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng** | 0 | 0 | 0 | 10 | 14 | 14 | 14 |
| **V** | **Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | *Số trẻ cân nặng bình thường* | 0 | 0 | 0 | 8 | 14 | 10 | 10 |
| 2 | *Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân* | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | *Số trẻ có chiều cao bình thường* | 0 | 0 | 0 | 8 | 14 | 10 | 10 |
| 4 | *Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi* | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | *Số trẻ thừa cân béo phì* | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 4 | 4 |
| **VI** | **Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục** | 0 | 0 | 0 | 10 | 14 | 14 | 14 |
| 1 | Chương trình giáo dục nhà trẻ | 0 | 0 | 0 | 10 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Chương trình giáo dục mẫu giáo | 0 | 0 | 0 | 0 | 14 | 14 | 14 |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Quận 10, ngày 18 tháng 9 năm 2018  **HIỆU TRƯỞNG** |

**Nguyễn Thị Thoa**

**Biểu mẫu 03**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

**TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 11**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2018 - 2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Bình quân** |
| **I** | **Tổng số phòng** | 04 | Số m2/trẻ em |
| **II** | **Loại phòng học** |  | 1,5 m2/1em |
| 1 | Phòng học kiên cố | 04 | 2,1 m2/1em |
| 2 | Phòng học bán kiên cố |  | 1,5 m2/1em |
| 3 | Phòng học tạm |  | - |
| 4 | Phòng học nhờ |  | - |
| **III** | **Số điểm trường** | 01 | - |
| **IV** | **Tổng diện tích đất toàn trường** (m2) | 636 m2 |  |
| **V** | **Tổng diện tích sân chơi** (m2) | 247.33 m2 | 1.01 m2/1em |
| **VI** | **Tổng diện tích một số loại phòng** |  |  |
| 1 | Diện tích phòng sinh hoạt chung (m2) | 50 m2/1lớp | 1.5 m2/1em |
| 2 | Diện tích phòng ngủ (m2) |  |  |
| 3 | Diện tích phòng vệ sinh (m2) | 12 m2/1lớp | 0.4 m2/1em |
| 4 | Diện tích hiên chơi (m2) |  |  |
| 5 | *Diện tích phòng giáo dục thể chất (m2)* |  |  |
| 6 | *Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m2)* |  |  |
| 7 | Diện tích nhà bếp và kho (m2) | 31.68 m2 |  |
| **VII** | **Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ) | 20 bộ | 5 bộ/nhóm, lớp |
| 1 | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định | 3 bộ | 3 bộ/ nhóm, lớp |
| 2 | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định |  |  |
| **VIII** | **Tổng số đồ chơi ngoài trời** | 15 bộ | Số bộ/sân chơi (trường) |
| **IX** | **Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v... )** | 04 máy vi tính | 1 máy/ 1 lớp |
| **X** | **Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định) |  |  |
| 1 | Máy chiếu | 1 bộ | 01 bộ/ 4 nhóm, lớp |
| 2 | Ti vi | 04 cái | 01 cái/ 4 nhóm, lớp |
| 3 | Nhạc cụ (Đàn ocgan, ghi ta, trống) | 01 cái | 01 cái/ 4 nhóm lớp |
| 4 | Máy phô tô | 01 cái | 01 cái/ 1 điểm |
| 5 | Catsset | 05 cái | 01 cái/ 4 nhóm lớp |
| 6 | Bàn ghế đúng quy cách | 80 | 20 bộ / 1 lớp |
| 7 | Đầu video/ đầu đĩa | 04 | 01 cái/ 1 nhóm lớp |
| 8 | Đầu karaoke | 1 | 1 cái/1 điểm |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Số lượng(m2) | | | | |
| **XI** | **Nhà vệ sinh** | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | | Số m2/trẻ em | |
|  | Chung | Nam/Nữ | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh\* | 11 m2 | x | x | x | 0.4 m2 /1 em |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh\* |  |  |  |  |  |

*(\*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | Có | Không |
| **XII** | **Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh** | x |  |
| **XIII** | **Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)** | x |  |
| **XIV** | **Kết nối internet** | x |  |
| **XV** | **Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục** | x |  |
| **XVI** | **Tường rào xây** | x |  |
| **..** | **....** |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Quận 10, ngày 05 tháng 9 năm 2018 **HIỆU TRƯỞNG** |

**Nguyễn Thị Thoa**

**Biểu mẫu 04**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

**TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 11**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2018 - 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Tổng số | Trình độ đào tạo | | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | | Chuẩn nghề nghiệp | | | |
| TS | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng IV | Hạng III | Hạng II | Xuất sắc | Khá | Trung bình | Kém |
|  | **Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên** | 16 |  |  | 6 | 6 | 6 |  | 4 | 7 | 2 |  |  |  |  |
| **I** | **Giáo viên** | 11 |  |  | 3 | 4 |  |  | 2 | 3 | 2 |  |  |  |  |
| 1 | Nhà trẻ | 2 |  |  | 1 | 1 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Mẫu giáo | 9 |  |  | 2 | 3 |  |  |  | 3 | 2 |  |  |  |  |
| **II** | **Cán bộ quản lý** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 1 |  |  | 1 | 1 | 5 |  |  |  | 1 |  |  |  |  |
| **III** | **Nhân viên** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhân viên văn thư |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhân viên kế toán | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thủ quỹ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nhân viên y tế | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nhân viên phục vụ | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Nhân viên bảo vệ | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Quận 10, ngày 5 tháng 9 năm 2018 **HIỆU TRƯỞNG** |

**Nguyễn Thị Thoa**